BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 264/2016/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2016*

THÔNG TƯ

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao áp dụng tại các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật quốc tịch ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam và Nghị định số 94/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2007/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự;

Căn cứ Nghị định số 82/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 quy định về việc miễn thị thực cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài là vợ, chồng, con của người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc của công dân Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế,

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao áp dụng tại các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao áp dụng tại các Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan đại diện lãnh sự và các cơ quan khác của Việt Nam được ủy nhiệm thực hiện chức năng lãnh sự ở nước ngoài (sau đây gọi chung là Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài).

Điều 2. Người nộp phí, lệ phí

Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài được Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài cung cấp dịch vụ công hoặc phục vụ các công việc quản lý nhà nước trong lĩnh vực ngoại giao thì phải nộp phí, lệ phí theo quy định tại Thông tư này.

Điều 3. Tổ chức thu phí, lệ phí

Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài phục vụ các tổ chức, cá nhân về công việc quản lý nhà nước trong lĩnh vực ngoại giao phù hợp với quy định pháp luật là tổ chức thu phí, lệ phí theo quy định tại Thông tư này.

Điều 4. Mức thu phí, lệ phí

Mức thu phí, lệ phí quy định tại Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao (Phụ lục 1 và 2) ban hành kèm theo Thông tư này được áp dụng tại tất cả các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

Điều 5. Các trường hợp miễn hoặc giảm phí, lệ phí

1. Miễn thu phí, lệ phí với các trường hợp sau đây:

a) Người nước ngoài là khách mời (kể cả vợ hoặc chồng, bố mẹ đẻ, bố mẹ vợ hoặc chồng và các con cùng đi theo khách mời) của Đảng, Quốc hội, Nhà nước, Chính phủ; hoặc do lãnh đạo Đảng, Quốc hội, Nhà nước, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam mời với tư cách cá nhân;

b) Viên chức, nhân viên hành chính kỹ thuật của Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài, và cơ quan đại diện của các tổ chức quốc tế tại Việt Nam và thành viên gia đình (vợ hoặc chồng, bố mẹ đẻ, bố mẹ vợ hoặc chồng và các con chưa thành niên) theo nguyên tắc có đi có lại;

c) Người nước ngoài mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ, hộ chiếu phổ thông hoặc giấy tờ đi lại thay hộ chiếu do nước ngoài cấp được miễn

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

phí thị thực theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, theo quy định pháp luật Việt Nam hoặc theo nguyên tắc có đi có lại;

d) Người nước ngoài vào Việt Nam để thực hiện công việc cứu trợ hoặc giúp đỡ nhân đạo cho các tổ chức, cá nhân Việt Nam;

đ) Người nước ngoài vào Việt Nam theo lời mời trao đổi giữa các Bộ, ngành, tỉnh, thành phố theo nguyên tắc có đi có lại;

e) Người có công với cách mạng, đất nước;

g) Các trường hợp do nhu cầu đối ngoại cần tranh thủ hoặc vì lý do nhân đạo, công dân Việt Nam có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn hoặc gặp rủi ro;

h) Các trường hợp xin cấp thị thực nhưng được miễn phí thị thực theo quy định của Chính phủ Việt Nam, theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc theo thỏa thuận song phương.

2. Người Việt Nam định cư tại Trung Quốc, Lào, Thái Lan và Cam-pu-chia hoặc những nước đang có chiến tranh, dịch bệnh nguy hiểm đe dọa tính mạng được giảm các loại phí, lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao theo quy định tại Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao (Phụ lục 1 và 2) ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Đối với những trường hợp được miễn thu phí, lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao theo quy định trên, tổ chức thu phí, lệ phí phải đóng dấu "miễn phí, lệ phí" (GRATIS) vào giấy tờ đã cấp.

Điều 6. Kê khai, nộp phí, lệ phí

1. Người đứng đầu Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài có trách nhiệm xem xét, quyết định lựa chọn ngân hàng có uy tín để mở tài khoản của Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài phục vụ hoạt động của Cơ quan đại diện, đảm bảo an toàn tiền gửi Quỹ tạm giữ ngân sách nhà nước tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

2. Đối với các khoản lệ phí

Bộ Ngoại giao chỉ đạo các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài tổ chức thực hiện hạch toán kế toán khoản thu lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao; khi phát sinh số thu, nộp 100% (một trăm phần trăm) số tiền lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao và số tiền lãi gửi ngân hàng thực phát sinh vào Quỹ tạm giữ ngân sách nhà nước tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

Nguồn chi phí trang trải cho việc thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

3. Đối với các khoản phí

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Bộ Ngoại giao chỉ đạo các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài tổ chức thực hiện hạch toán kế toán khoản thu phí trong lĩnh vực ngoại giao; khi phát sinh số thu, nộp 70% (bảy mươi phần trăm) số tiền phí trong lĩnh vực ngoại giao và số tiền lãi gửi ngân hàng thực phát sinh vào Quỹ tạm giữ ngân sách nhà nước tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

4. Phí, lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao được tính bằng đồng đô la Mỹ (USD) theo Biểu mức thu phí và lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp thu phí, lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao bằng đồng tiền nước sở tại thì việc quy đổi từ đồng đô la Mỹ (USD) sang đồng tiền nước sở tại được căn cứ vào tỷ giá bán ra của đồng đô la Mỹ (USD) do ngân hàng nơi Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài mở tài khoản công bố.

Khi tỷ giá quy đổi từ đồng đô la Mỹ (USD) ra đồng tiền nước sở tại biến động tăng hoặc giảm trên 10% (mười phần trăm) so với tỷ giá quy đổi đang áp dụng, Thủ trưởng Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài được quy định lại mức phí và lệ phí lãnh sự bằng đồng tiền nước sở tại theo tỷ giá quy đổi mới, đồng thời thông báo bằng văn bản cho Bộ Ngoại giao trước khi thực hiện.

Trường hợp tại một nước hoặc vùng lãnh thổ có từ hai (02) Cơ quan đại diện Việt Nam trở lên được phép thu phí, lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao, thì Thủ trưởng Cơ quan đại diện Việt Nam có thẩm quyền cao nhất căn cứ tỷ giá bán ra của ngân hàng sở tại quyết định mức thu thống nhất cho các Cơ quan đại diện Việt Nam còn lại.

5. Trường hợp tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài đã nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao theo quy định tại Thông tư này nhưng không đủ điều kiện được cấp giấy tờ lãnh sự hoặc từ chối không nhận kết quả xử lý hồ sơ, tổ chức thu phí, lệ phí không hoàn trả lại số tiền phí, lệ phí đã thu.

Điều 7. Quản lý và sử dụng

1. Bộ Ngoại giao được sử dụng 30% (ba mươi phần trăm) số tiền phí trong lĩnh vực ngoại giao thực thu để chi theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí và các quy định của pháp luật.

2. Bộ Ngoại giao ban hành Quy chế quản lý và sử dụng 30% (ba mươi phần trăm) số tiền phí trong lĩnh vực ngoại giao được để lại. Nếu cuối năm chưa sử dụng hết, số tiền phí được để lại được chuyển sang năm sau để chi theo quy định.

Điều 8. Quyết toán thu, chi về phí, lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

1. Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài có trách nhiệm mở sổ kế toán để ghi chép, hạch toán thu, chi về phí, thu nộp lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao theo chế độ kế toán hành chính sự nghiệp hiện hành. Thủ trưởng Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài chịu trách nhiệm về quản lý và hạch toán thu chi các loại phí và lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao của cơ quan mình; định kỳ hàng tháng gửi về Bộ Ngoại giao Báo cáo thu phí và lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao (theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 và 5 Thông tư này).

2. Bộ Ngoại giao có trách nhiệm kiểm tra và quyết toán thu, chi về phí và lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao của các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài theo quy định hiện hành.

3. Bộ Ngoại giao phối hợp với Bộ Tài chính tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc thu, nộp, quản lý phí và lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao tại các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài theo các quy định tại Thông tư này.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017; thay thế Thông tư số 236/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao áp dụng tại Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan lãnh sự Việt Nam ở nước ngoài; Thông tư số 156/2015/TT-BTC ngày 08 tháng 10 năm 2015 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 236/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí và lệ phí lãnh sự áp dụng tại các Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan đại diện lãnh sự Việt Nam ở nước ngoài.

2. Tổ chức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao có trách nhiệm:

a) Niêm yết công khai tên phí, lệ phí, mức thu, phương thức thu, đối tượng nộp, miễn, giảm và văn bản quy định thu phí, lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao tại điểm thu bằng tiếng Việt Nam và tiếng Anh hoặc ngôn ngữ chính thức của nước sở tại;

b) Khi thu tiền phải lập và cấp biên lai thu cho đối tượng nộp phí và lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao. Biên lai thu phí và lệ phí được in và phát hành tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp quản lý và sử dụng phí, lệ phí không hướng dẫn tại Thông tư này được thực hiện theo hướng dẫn tại Luật phí và lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về in, phát hành, quản lý và sử dụng chứng từ thu phí, lệ phí và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

5. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan liên quan phản ánh kịp thời cho Bộ Tài chính để xem xét giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Vũ Thị Mai

Nơi nhận:
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Website Chính phủ;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (CST5). (80)

www.LuatVietnam.vn

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

PHỤ LỤC 1: BIỂU MỨC THU LỆ PHÍ TRONG LĨNH VỰC NGOẠI GIAO

(Ban hành kèm theo Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Danh mục lệ phí	Đơn vị tính	Mức thu (USD)
A	**Cấp hộ chiếu**		
I	**Hộ chiếu**		
1	Cấp mới	Quyển	70
2	Gia hạn hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ	Quyển	30
3	Bổ sung, sửa đổi	Quyển	15
4	Dán ảnh trẻ em	Quyển	15
5	Cấp lại do để hỏng hoặc mất	Quyển	150
II	**Giấy thông hành**		
1	Cấp mới	Quyển	20
2	Cấp lại do để hỏng hoặc mất	Quyển	40
III	**Cấp tem AB** (cấp cho hộ chiếu phổ thông đi việc công)	Chiếc	15
B	**Lệ phí quốc tịch**		
1	Nhập quốc tịch	Người	250
2	Trở lại quốc tịch	Người	200
3	Thôi quốc tịch	Người	200
C	**Đăng ký nuôi con nuôi**		
	Thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 6 Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài	Trường hợp	150
D	**Quy định khác**		
	Người Việt Nam định cư tại Trung Quốc, Lào, Thái Lan và Cam-pu-chia hoặc những nước đang có chiến tranh, dịch bệnh nguy hiểm đe dọa tính mạng nộp lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao bằng 20% mức thu tương ứng với loại công việc quy định tại Biểu mức thu này.		

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

PHỤ LỤC 2: BIỂU MỨC THU PHÍ TRONG LĨNH VỰC NGOẠI GIAO

(Ban hành kèm theo Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Danh mục phí	Đơn vị tính	Mức thu (USD)
A	**Thị thực các loại**		
1	Loại thị thực có giá trị nhập xuất cảnh 01 lần	Chiếc	25
2	Loại có giá trị nhập xuất cảnh nhiều lần:		
a)	Loại có giá trị đến 03 tháng	Chiếc	50
b)	Loại có giá trị trên 03 tháng đến 06 tháng	Chiếc	95
c)	Loại có giá trị trên 06 tháng đến 01 năm	Chiếc	135
d)	Loại có giá trị trên 01 năm đến 02 năm	Chiếc	145
e)	Loại có giá trị trên 02 năm đến 05 năm	Chiếc	155
g)	Thị thực cấp cho trẻ em dưới 14 tuổi (không phân biệt thời hạn)	Chiếc	25
3	Chuyển thị thực còn giá trị từ hộ chiếu cũ sang hộ chiếu mới	Chiếc	5
B	**Xác nhận, đăng ký công dân**		
1	Cấp Giấy miễn thị thực	Chiếc	10
2	Cấp Giấy xác nhận đăng ký công dân	Bản	5
3	Khai sinh		
a)	Đăng ký khai sinh	Bản	5
b)	Đăng ký lại việc sinh	Bản	15
4	Kết hôn		
a)	Đăng ký kết hôn	Bản	70
b)	Đăng ký lại việc kết hôn	Bản	120
5	Khai tử		
a)	Đăng ký khai tử	Bản	5
b)	Đăng ký lại việc khai tử	Bản	15
6	Nhận cha, mẹ, con		
	Đăng ký việc nhận cha, mẹ, con	Bản	200

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

STT	Danh mục phí	Đơn vị tính	Mức thu (USD)
7	Đăng ký việc thay đổi, cải chính, bổ sung các vấn đề đã đăng ký tại Cơ quan Đại diện Việt Nam hoặc tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài và đã ghi chú vào sổ tại Cơ quan Đại diện Việt Nam	Bản	30
8	Đăng ký giám hộ chấm dứt giám hộ, thay đổi giám hộ giữa công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài với nhau	Bản	30
9	Các việc đăng ký, xác nhận khác		
a)	Cấp bản sao trích lục	Bản	5
b)	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho công dân Việt Nam trong thời gian cư trú ở nước ngoài	Bản	10
c)	Cấp xác nhận về việc đã ghi vào Sổ các thay đổi theo bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam đối với: thay đổi quốc tịch; xác định cha, mẹ, con; xác định lại giới tính; nuôi con nuôi; ly hôn, hủy việc kết hôn trái pháp luật, công nhận việc kết hôn; công nhận việc giám hộ; tuyên bố hoặc hủy tuyên bố một người mất tích, đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự	Bản	10
d)	Ghi vào Sổ các việc: khai sinh; kết hôn; ly hôn; hủy việc kết hôn; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử và những thay đổi khác đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài và cấp bản chính trích lục	Bản	20
e)	Xác nhận đủ điều kiện kết hôn	Bản	20
g)	Xác nhận người có quốc tịch Việt Nam; người có gốc Việt Nam; liên quan đến quốc tịch theo yêu cầu của công dân	Bản	20
h)	Xác nhận một số nội dung cụ thể khác theo yêu cầu của công dân (còn sống, đang cư trú tại sở tại, hiện có con đang học tại trường A, B,…)	Bản	20
C	**Chứng nhận lãnh sự và hợp pháp hóa lãnh sự**		
1	Hợp pháp hóa giấy tờ, tài liệu	Bản	10
2	Phí chứng nhận lãnh sự	Bản	10
D	**Công chứng, chứng thực**		

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

STT	Danh mục phí	Đơn vị tính	Mức thu (USD)
1	Công chứng, chứng thực các hợp đồng, giao dịch (trừ hợp đồng mua bán, chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, thế chấp bất động sản, hợp đồng góp vốn bằng bất động sản, văn bản thỏa thuận phân chia tài sản, văn bản khai nhận di sản là bất động sản)	Bản	50
2	Chứng thực bản sao từ bản chính; chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản bằng tiếng Việt; chứng thực chữ ký người dịch trong các văn bản dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt hoặc từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài	Bản	10
3	Công chứng di chúc và việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ di chúc; công chứng văn bản từ chối nhận di sản	Bản	20
4	Cấp bản sao văn bản công chứng	Bản	5
5	Cấp hoặc chứng thực các giấy tờ và tài liệu liên quan đến tàu biển, tàu bay và các loại phương tiện giao thông khác	Bản	15
E	**Xác minh giấy tờ, tài liệu (không kể tiền cước phí)**	**Hồ sơ/bản**	**50**
G	**Tiếp nhận và vận chuyển đơn, chứng cứ của công dân và pháp nhân Việt Nam**		
1	Nhận lưu giữ di chúc, bảo quản giấy tờ, tài liệu và đồ vật có giá trị của công dân Việt Nam	Bản hoặc 1 hiện vật/năm	20
2	Tiếp nhận và vận chuyển đơn, chứng cứ của công dân và pháp nhân Việt Nam cho các cơ quan có thẩm quyền trong nước (không kể tiền cước phí)	Bản hoặc 1 hiện vật	10
H	**Quy định khác**		
1	Người Việt Nam định cư tại Trung Quốc, Lào, Thái Lan và Cam-pu-chia hoặc những nước đang có chiến tranh, dịch bệnh nguy hiểm đe dọa tính mạng phí trong lĩnh vực đối ngoại bằng 20% mức thu tương ứng với loại công việc quy định tại Biểu mức thu này.		
2	Mức thu phí làm gấp/ngoài giờ, khi hồ sơ đã hợp lệ.		
a)	Trong ngày (24 tiếng): bằng 150% mức thu tương ứng		

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

STT	Danh mục phí	Đơn vị tính	Mức thu (USD)
	với loại công việc quy định tại Biểu mức thu này.		
b)	Ngày hôm sau (36 tiếng): bằng 130% mức thu tương ứng với loại công việc quy định tại Biểu mức thu này.		
c)	Ngoài giờ làm việc, ngoài giờ nhận hồ sơ, ngày nghỉ, ngày lễ: bằng 140% mức thu tương ứng với loại công việc quy định tại Biểu mức thu này.		

www.LuatVietnam.vn

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

PHỤ LỤC 3: MẪU BIÊN LAI THAM KHẢO

(Ban hành kèm theo Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CƠ QUAN ĐẠI DIỆN VIỆT NAM **TẠI** ..... (Đóng dấu Quốc huy của CQĐD)	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN LAI THU PHÍ VÀ LỆ PHÍ
(RECEIPT)

(Liên 1: Trả cho người nộp tiền) **Số** (No)**: .....**

Tên đơn vị hoặc người nộp tiền (Payee): .....
Địa chỉ (Address):.....
Lý do nộp tiền (Pay for):.....
.....
Số tiền (Amount):.....
Số tiền viết bằng chữ (In word):.....
.....
.....

Hình thức thanh toán: ☐ Chuyển khoản (Pay by) (Transfer) Tiền mặt ☐ (Cash) Séc ☐ (Cheque)

..., ngày ... tháng ... năm 20...

Người viết phiếu (Authorized Officer) (Ký tên và ghi rõ họ tên)	**Người thu tiền** (Cashier) (Ký tên và ghi rõ họ tên)

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

CƠ QUAN ĐẠI DIỆN VIỆT NAM **TẠI .....** (Đóng dấu Quốc huy của CQĐD)	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN LAI THU PHÍ VÀ LỆ PHÍ
(RECEIPT)
(Liên 2: Gửi về Bộ Ngoại giao) **Số** (No): .....

Tên đơn vị hoặc người nộp tiền (Payee): .....
Địa chỉ (Address):.....
Lý do nộp tiền (Pay for):.....
.....
Số tiền (Amount):.....
Số tiền viết bằng chữ (In word):.....
.....
.....

Hình thức thanh toán: ☐ Chuyển khoản (Pay by) (Transfer) Tiền mặt ☐ (Cash) Séc ☐ (Cheque)

..., ngày ... tháng .... năm 20...

Người viết phiếu (Authorized Officer) (Ký tên và ghi rõ họ tên)	**Người thu tiền** (Cashier) (Ký tên và ghi rõ họ tên)

www.LuatVietnam.vn

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

CƠ QUAN ĐẠI DIỆN VIỆT NAM **TẠI** ..... (Đóng dấu Quốc huy của CQĐD)	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN LAI THU PHÍ VÀ LỆ PHÍ
(RECEIPT)
(Liên 3: Lưu tại CQĐD) **Số** (No): .....

Tên đơn vị hoặc người nộp tiền (Payee): .....
Địa chỉ (Address):.....
Lý do nộp tiền (Pay for):.....
.....
Số tiền (Amount):.....
Số tiền viết bằng chữ (In word):.....
.....
.....

Hình thức thanh toán: ☐ Chuyển khoản (Pay by) (Transfer) Tiền mặt ☐ (Cash) Séc ☐ (Cheque)

..., ngày ... tháng ... năm 20..

Người viết phiếu (Authorized Officer) (Ký tên và ghi rõ họ tên)	**Người thu tiền** (Cashier) (Ký tên và ghi rõ họ tên)

Ghi chú: CQĐD sử dụng Biên lai thu phí, lệ phí bằng tiếng Việt Nam và tiếng Anh hoặc ngôn ngữ chính thức của nước sở tại.

www.LuatVietnam.vn
LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

PHỤ LỤC 4: MẪU BÁO CÁO THU LỆ PHÍ TRONG LĨNH VỰC NGOẠI GIAO THAM KHẢO

(Ban hành kèm theo Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CƠ QUAN ĐẠI DIỆN VIỆT NAM TẠI .....

BÁO CÁO THU LỆ PHÍ TRONG LĨNH VỰC NGOẠI GIAO

Tháng… năm…

(Áp dụng tại các Cơ quan Đại diện Việt Nam)

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá (USD hoặc tiền địa phương)	Thành tiền		Ghi chú
			Tháng này	Lũy kế		Tháng này	Lũy kế	
A	**Cấp hộ chiếu**							
I	**Hộ chiếu**							
1	Cấp mới	Quyển						
2	Gia hạn hộ chiếu ngoại giao, công vụ	Quyển						
3	Bổ sung, sửa đổi	Quyển						
4	Dán ảnh trẻ em	Quyển						
5	Cấp lại do để hỏng hoặc mất	Quyển						
II	**Giấy thông hành**							
1	Cấp mới	Quyển						
2	Cấp lại do để hỏng hoặc mất	Quyển						
III	**Cấp tem AB (cấp cho hộ chiếu phổ thông đi việc công)**	**Chiếc**						
B	**Lệ phí quốc tịch**							
1	Nhập quốc tịch	Người						
2	Trở lại quốc tịch	Người						
3	Thôi quốc tịch	Người						

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá (USD hoặc tiền địa phương)	Thành tiền		Ghi chú
			Tháng này	Lũy kế		Tháng này	Lũy kế	
C	**Đăng ký con nuôi**							
	TỔNG CỘNG (Nộp Quỹ tạm giữ của NSNN ở nước ngoài)							

....., ngày....tháng....năm 20...

KẾ TOÁN	PHỤ TRÁCH LÃNH SỰ	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

www.LuatVietnam.vn

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

PHỤ LỤC 5: MẪU BÁO CÁO THU PHÍ TRONG LĨNH VỰC NGOẠI GIAO THAM KHẢO

(Ban hành kèm theo Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CƠ QUAN ĐẠI DIỆN VIỆT NAM TẠI .....

BÁO CÁO THU PHÍ TRONG LĨNH VỰC NGOẠI GIAO

Tháng … năm…

(Áp dụng tại các Cơ quan Đại diện Việt Nam)

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá (USD hoặc tiền địa phương)	Thành tiền		Ghi chú
			Tháng này	Lũy kế		Tháng này	Lũy kế	
A	**Thị thực các loại**							
1	Loại có giá trị nhập cảnh, xuất cảnh 01 lần	Chiếc						
2	Loại có giá trị nhập xuất cảnh nhiều lần:							
a)	*Loại có giá trị đến 03 tháng*	Chiếc						
b)	*Loại có giá trị đến 03 tháng đến 06 tháng*	Chiếc						
c)	*Loại có giá trị trên 06 tháng đến 01 năm*	Chiếc						
d)	*Loại có giá trị trên 01 năm đến 02 năm*	Chiếc						
e)	*Loại có giá trị trên 02 năm đến 05 năm*	Chiếc						
g)	*Thị thực cấp cho trẻ em dưới 14 tuổi (không phân biệt thời hạn)*	Chiếc						
3	Chuyển thị thực còn	Chiếc						

www.LuatVietnam.vn
LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá (USD hoặc tiền địa phương)	Thành tiền		Ghi chú
			Tháng này	Lũy kế		Tháng này	Lũy kế	
	giá trị từ hộ chiếu cũ sang hộ chiếu mới							
B	**Xác nhận, đăng ký công dân**							
1	Cấp Giấy miễn thị thực	Chiếc						
2	Cấp giấy Xác nhận đăng ký công dân	Chiếc						
3	Khai sinh							
a)	Đăng ký khai sinh	Bản						
b)	Đăng ký lại việc sinh	Bản						
4	Kết hôn							
a)	Đăng ký kết hôn	Bản						
b)	Đăng ký lại việc kết hôn	Bản						
5	Khai tử							
a)	Đăng ký khai tử	Bản						
b)	Đăng ký lại việc khai tử	Bản						
6	Nhận cha, mẹ, con							
	Đăng ký việc nhận cha, mẹ, con	Bản						
7	Đăng ký việc thay đổi, cải chính, bổ sung các vấn đề đã đăng ký tại CQĐD Việt Nam hoặc tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài và đã ghi chú vào sổ tại CQĐD	Bản						

www.LuatVietnam.vn
LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá (USD hoặc tiền địa phương)	Thành tiền		Ghi chú
			Tháng này	Lũy kế		Tháng này	Lũy kế	
8	Đăng ký giám hộ chấm dứt giám hộ, thay đổi giám hộ giữa công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài với nhau	Bản						
9	Các việc đăng ký, xác nhận khác							
a)	Cấp bản sao trích lục	Bản						
b)	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho công dân Việt Nam trong thời gian cư trú ở nước ngoài	Bản						
c)	Cấp xác nhận về việc đã ghi vào Sổ các thay đổi theo bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam	Bản						
d)	Ghi vào Sổ các việc: khai sinh; kết hôn; ly hôn;…	Bản						
e)	Xác nhận đủ điều kiện kết hôn	Bản						
g)	Xác nhận người có quốc tịch Việt Nam, người có gốc Việt Nam; liên quan đến quốc tịch theo yêu cầu của công dân	Bản						
h)	Xác nhận một số nội một số nội dung cụ thể khác theo yêu	Bản						

www.LuatVietnam.vn
LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá (USD hoặc tiền địa phương)	Thành tiền		Ghi chú
			Tháng này	Lũy kế		Tháng này	Lũy kế	
	cầu của công dân							
C	**Chứng nhận lãnh sự và hợp pháp hóa lãnh sự**							
1	Hợp pháp hóa giấy tờ, tài liệu	Bản						
2	Phí chứng nhận lãnh sự	Bản						
D	**Công chứng, chứng thực**							
1	Công chứng, chứng thực các hợp đồng, giao dịch	Bản						
2	Chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản bằng Tiếng Việt; chứng thực chữ ký người dịch trong các văn bản dịch từ Tiếng Việt sang tiếng nước ngoài	Bản						
3	Công chứng di chúc và việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ di chúc; công chứng văn bản từ chối chấp nhận di sản	Bản						
4	Cấp bản sao văn bản công chứng	Bản						
5	Cấp hoặc chứng thực các giấy tờ và tài liệu	Bản						

www.LuatVietnam.vn
LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá (USD hoặc tiền địa phương)	Thành tiền		Ghi chú
			Tháng này	Lũy kế		Tháng này	Lũy kế	
	liên quan đến tàu biển, tàu bay và các loại phương tiện giao thông khác							
E	**Xác minh giấy tờ, tài liệu (không kể tiền cước phí)**	**Hồ sơ/ bản**						
G	**Tiếp nhận và vận chuyển đơn, chứng cứ của công dân và pháp nhân Việt Nam**							
1	Nhận lưu giữ di chúc, bảo quản giấy tờ, tài liệu và đồ vật có giá trị của công dân Việt Nam	Bản hoặc 1 hiện vật/ năm						
2	Tiếp nhận và vận chuyển đơn, chứng cứ của công dân và pháp nhân Việt Nam cho các cơ quan có thẩm quyền trong nước (không kể tiền cước phí)	Bản hoặc 1 hiện vật						
H	**Một số quy định khác**							
	Thu lệ phí làm gấp và ngoài giờ ngoài mức phí quy định trên (khi hồ sơ đã hợp lệ, trừ Khoản 3 Mục D), thu thêm:							
	Trong ngày (24 tiếng):							

www.LuatVietnam.vn
LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá (USD hoặc tiền địa phương)	Thành tiền		Ghi chú
			Tháng này	Lũy kế		Tháng này	Lũy kế	
	Ngày hôm sau (36 tiếng):							
	Ngoài giờ làm việc, ngoài giờ nhận hồ sơ, ngày nghỉ, ngày lễ:							
I	**TỔNG CỘNG THU:**							
II	**PHÂN PHỐI CÁC QUỸ**							
1	**Nộp Quỹ tạm giữ của NSNN ở nước ngoài**							
2	**30% số thu phí**							
2.1	Số chi							
a)	*Chi phí sử dụng ấn phẩm trắng lãnh sự*							
b)	*Các chi phí khác liên quan đến công việc thu (công tác phí đi nhận ấn phẩm trắng lãnh sự; tiền chi phí vận chuyển ấn phẩm trắng lãnh sự; in tờ khai, hóa đơn, biểu mẫu; văn phòng phẩm; chi phí điện thoại, fax, cước phí bưu điện).*							
2.2	30% còn lại							

....., ngày....tháng....năm 20...

KẾ TOÁN	PHỤ TRÁCH LÃNH SỰ	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

www.LuatVietnam.vn
LuatVietnam
www.vanbanluat.vn